

Bản án số: 24/2018/HS-ST

Ngày: 20-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Vui;

2. Ông Nguyễn Tấn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Công H (tên gọi khác là MK), sinh năm 1979, tại Bình Dương; nơi cư trú: K3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H3, sinh năm 1936 và bà Trần Thị C, sinh năm 1939; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2017 đến ngày 21/4/2017 được trả tự do và áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Trần Thị C, sinh năm 1939; HKTT: K3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Bà C ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trần Công H2, sinh năm 1968; HKTT: K3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018 (có mặt).

- Bị hại: Ông Lê Thế H1, sinh năm 1989; HKTT: Ấp AP, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Ngọc Q (tên gọi khác là N), sinh năm 1973; HKTT: K1, thị trấn TC, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: K4A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 05/4/2017, H đi bộ từ nhà đến khu vực tượng đài Chiến Thắng thuộc khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, H thấy anh Lê Thế H1, sinh năm 1989, HKTT: Ấp AP, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương đang ngủ trên ghế đá, bên cạnh dựng một xe mô tô Yamaha hiệu Sirius, màu sơn đỏ - đen, biển số 61V2-0064 có để sẵn chìa khoá tại ổ khóa nên H nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, H dắt xe mô tô trên đi được khoảng 100 m, đề máy nổ và điều khiển xe đến nhà xe của Bệnh viện đa khoa Công ty TNHH MTV cao su DT và gửi tại đây.

Đến khoảng 00 giờ ngày 06/4/2017, anh H1 tỉnh dậy thì phát hiện bị mất xe mô tô nên đến Công an thị trấn D, huyện D trình báo.

Ngày 13/4/2017, H đem xe mô tô biển số 61V2-0064 trộm được bán cho Nguyễn Ngọc Q (N), sinh năm 1973, HKTT: Thị trấn TC, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp, tạm trú: K4A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Khi bán xe H nói xe mô tô biển số 61V2-0064 là của H và đã bị mất giấy tờ nên Q đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng, số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 14/4/2017, do nghi ngờ về nguồn gốc xe mô tô biển số 61V2-0064 nên Q đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện trình báo sự việc và giao nộp xe mô tô nói trên.

Quá trình làm việc với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 17/4/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 21/QĐ. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12/KLĐG ngày 20/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận: Xe mô tô Yamaha hiệu Sirius, số máy 5C64254303; số khung 254302; màu sơn đỏ - đen; biển số: 61V2-0064, được mua vào tháng 5/2010, có trị giá 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 389/KL-VPYTW ngày 31/8/2017, kết luận: *“Về y học: Trước, trong và sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh chậm phát triển tâm thần mức độ trung bình (F71-ICD. 10); Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: Đang sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi”*.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô Yamaha hiệu Sirius, số máy 5C64254303; số khung 254302; màu sơn đỏ - đen; biển số 61V2-0064 do Lê Thế H1 đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại cho anh H1 theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 03/4/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Đối với số tiền 2.000.000 đồng, gia đình bị cáo H đã trả lại cho Nguyễn Ngọc Q 1.000.000 đồng, Q không yêu cầu H trả lại số tiền 1.000.000 đồng còn lại.

Tại Bản Cáo trạng số 15/CTr-VKSĐT-HS ngày 06/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Công H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Công H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14, xử phạt bị cáo Trần Công H từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về biện pháp tư pháp: Không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông H2 xin xem xét xử nhẹ vì bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên nhận thức pháp luật rất hạn chế, bị cáo hiện có cha già nằm liệt một chỗ nhiều năm nay còn mẹ già yếu không có người chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì nên toàn bộ hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đều hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo H và người đại diện hợp pháp là ông H2 có văn bản từ chối việc cử người bào chữa chỉ định cho bị cáo theo quy định của pháp luật, đây là ý chí tự nguyện của bị cáo H và người đại diện hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa bị cáo H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 05/4/2017, tại khu vực tượng đài CT thuộc K3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, bị cáo H đã lên lút lấy trộm xe mô tô Yamaha hiệu Sirius, màu sơn đỏ - đen, biển số 61V2-0064 của anh Lê Thế H1, sinh năm 1989, HKTT: Ấp AP, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Sau khi lấy trộm được xe mô tô, đến ngày 13/4/2017, bị cáo H đem bán cho ông Nguyễn Ngọc Q (N), sinh năm 1973, HKTT: Thị trấn TC, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: K4A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương với giá 2.000.000

đồng và tiêu xài cá nhân hết. Lời khai nhận của bị cáo H tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định Cáo trạng số 15/CTr-VKSDT-HS ngày 06/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố đối với bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật (việc áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 không gây bất lợi cho bị cáo so với khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để giải quyết vụ án).

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo H đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Mặc dù, bị cáo H là người bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Tài sản bị cáo H có hành vi chiếm đoạt đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định có tổng trị giá là 12.500.000 đồng theo bản Kết luận định giá tài sản số 12/KLĐG ngày 20/4/2017. Do đó, bị cáo H bị truy tố và đưa ra xét xử về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu về tài sản trên địa bàn huyện D cũng như để bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật nên cần phải xử lý thật nghiêm bằng hình phạt để có điều kiện giáo dục và cải tạo bị cáo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H như: Bị cáo nhờ gia đình tự nguyện khắc phục một phần hậu quả đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không biết chữ nên khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế, tài sản đã được thu hồi trao trả cho người bị hại theo quy định điểm b, h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét thấy, bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt nên xử phạt bị cáo H bằng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp.

[7] Bị cáo là người bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, hiện không có nghề nghiệp và sống phụ thuộc vào gia đình nên miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[8] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo H về phần tội danh, điều khoản truy tố là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là hơi nghiêm khắc so với hành vi, mức độ phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp.

[9] Đối với hành vi mua xe mô tô Yamaha hiệu Sirius biển số 61V2-0064 của ông Q, xét thấy ông Q không biết đây là tài sản do H phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Q là phù hợp.

[10] Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi tài sản bị chiếm đoạt và đã trao trả cho bị hại anh H1 xong. Gia đình bị cáo H đã thương lượng bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q xong. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã thu hồi tài sản bị chiếm đoạt và xử lý trao trả tài sản cho bị hại xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Công H (tên gọi khác là MK) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 36; điểm b, h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14, xử phạt:

Bị cáo Trần Công H (tên gọi khác là MK) 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ trước đây từ ngày 15/4/2017 đến ngày 21/4/2017. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 (mười một) tháng 09 (chín) ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản án của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật.

Giao bị cáo Trần Công H cho UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo H.

Bị cáo H phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

II. Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho bị hại xong. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thương lượng bồi thường xong. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

III. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã thu hồi tài sản bị chiếm đoạt và xử lý trao trả tài sản cho bị hại xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

IV. Án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Công H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, đại diện hợp pháp bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 20/7/2018).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT-Công an H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- UBND TT Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Đồng